TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN B** **THÀNH PHỐ H**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 136 /2018/QĐST-HNGĐ	*B, Ngày 18 tháng 4 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ việc hôn nhân và gia đình thụ lý số: 143/2018/TLST-VHNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2018 giữa:

Người yêu cầu:

- **Anh Trần Đăng K,** sinh năm 1983

- **Chị Lê Thị T**, sinh năm 1988

Cùng ĐKHKTT: Tập thể C– Đường 19 P, quận B, thành phố H; Nơi ở: Số 6 Ngõ 72 - Đường 19 P, quận B, thành phố H.

Căn cứ Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2017.

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 10 tháng 4 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 10 tháng 4 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

- Anh Trần Đăng K, sinh năm 1983

- Chị Lê Thị T, sinh năm 1988

Cùng ĐKHKTT: Tập thể C– Đường 19 P, quận B, thành phố H; Nơi ở: Số 6 Ngõ 72 - Đường 19 P, quận B, thành phố H. (Giấy chứng nhận kết hôn số 60/2012, quyển số IV/2012 do UBND phường P, quận B, thành phố H cấp ngày 27 tháng 03 năm 2012).

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về tình cảm: Anh Trần Đăng K, chị Lê Thị T thống nhất thuận tình ly hôn.

- **Về con chung**: Anh K, chị T có một con chung là **Trần Đăng K,** sinh ngày 15 tháng 10 năm 2012. Anh chị thống nhất thỏa thuận giao con **Trần Đăng K,** sinh ngày 15 tháng 10 năm 2012 cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh K tự nguyện đóng góp 1.000.000 đồng/tháng tiền cấp dưỡng nuôi con kể từ tháng 5/2018 cho đến khi con chung đủ tuổi trưởng thành (18 tuổi) hoặc có sự thay đổi khác của pháp luật.

Anh Trần Đăng K có quyền đi lại thăm nom chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.

- Về tài sản chung và nhà ở: Anh chị không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về các khoản vay nợ: Anh chị xác định không vay nợ ai và không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về lệ phí: Anh Trần Đăng K tự nguyện chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng lệ phí giải quyết yêu cầu về hôn nhân gia đình. Xác nhận anh Trần Đăng K đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số **0008234** ngày 28 tháng 3 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận B, thành phố H.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- *Tòa án nhân dân thành phố H;*
- *Viện kiểm sát nhân dân quận B;*
- *Chi cục THA dân sự quận B;*
- *UBND phường P, quận B, thành phố H.*
- *Đương sự;*
- *Lưu hồ sơ.*

THẨM PHÁN

Đinh Ngọc Liên